TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2018/HSST.
Ngày 25/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Đức Năm .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Năm và ông Nghiêm Đình Chế.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quân-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Y, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2018/HSST ngày 23/4/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HS ngày 11/5/2018 đối với các **bị cáo**:

1. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1970

HKTT: Xóm S 3, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú: Tổ 7, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lập Ch và bà Đỗ Thị A; vợ: Nguyễn Thị V; có 02 con: Con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.

HKTT: Tổ 13, phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú : Tổ 7, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên;

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tinh: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị Ch; chồng Nguyễn Văn H; có 02 con: Con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

Ông Vũ Văn H, sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2013, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T đã mua của người phụ nữ tên Th một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AriBlade màu đỏ đen có số khung RLHJF18048Y606xxx, số máy JF18E-5207xxx mà Th và T biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Chiếc xe trên là tài sản của ông Ngô Bá S bị mất từ năm 2011. Sau đó Th và T bán cho ông Vũ Văn H để kiếm lời.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Honda AriBlade màu đỏ đen, 01 BKS 20N5-5229 và 01 đăng ký xe mô tô số 326533 do ông H tự nguyện giao nộp.

Bản Cáo trạng số 55/CTr-VKSYP ngày 20/4/2018 của Viện trưởng VKSND huyện Y đã truy tố Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS 1999).

Tại phiên toà các bị cáo khai:

Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T đều thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng và khai nhận: Khoảng tháng 10 năm 2013, khi Th và T đang sửa chữa xe máy tại cửa hàng thì có một thanh niên xưng là Đ (Đ là bạn của Nguyễn Đăng Ti và Ti là người cùng quê với Th và T) vào cửa hàng để sửa xe. Đ hỏi Th và T có muốn mua xe máy không có giấy tờ nhưng có đăng ký giả, do người khác phạm tội có được hay không, Th và T đồng ý. Khoảng 3-4 ngày sau, Th, T, Đ và Ti đi từ Thái Nguyên đến Quảng Ninh gặp một người phụ nữ tên là Th. Th và T đều không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của Th ở đâu. Tại đây, T hỏi mua xe nhãn hiệu Honda AirBlade thì Th giới thiệu với Th và T chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 20N5-5229 và hai bên thống nhất mua bán với giá 18.000.000đ. T là người giao tiền, còn Th đưa cho Th 01 đăng ký xe số 326533 của xe Honda AirBlade BKS 20N5-5229, có số khung RLHJF18048Y606xxx, số máy JF18E-5207xxx. Khoảng 2-3 tháng sau, Th và T đi chiếc xe máy trên về nhà ông Vũ Văn Ng thì gặp ông Vũ Văn H, ông H hỏi mua chiếc xe trên thì Th và T đồng ý bán cho ông H với giá 23.000.000đ. Khi mua bán không viết giấy tờ nhưng có giao đăng ký xe. Ngoài ra T khai nhận liệt sỹ Nguyễn Đức L là anh trai bị cáo.

Ông Vũ Văn H - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai tại cơ quan điều tra (CQĐT) có trong hồ sơ thể hiện: Khoảng cuối năm 2013, ông H có nhờ Th mua hộ một chiếc xe máy để làm phương tiện đi lại. Khoảng 2-3 tháng sau thì Th và T có đến nhà ông và có ý định bán cho ông chiếc

xe Honda AirBlade BKS 20N5-5229 màu đỏ đen với giá 23.000.000đ. Ông không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên đã đồng ý mua. Khi mua, các bên có viết giấy mua bán nhưng ông H để đâu không tìm thấy, Th và T có giao cho ông một giấy đăng ký xe máy số 326533. Khi biết chiếc xe trên là tài sản trộm cắp, ông đã đến cơ quan công an tự nguyện giao nộp chiếc xe nói trên cùng một giấy đăng ký xe số 326533. Nay ông đề nghị được tự giải quyết với Th và T về số tiền mua bán xe, không yêu cầu các cơ quan pháp luật giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa khẳng định: Khoảng cuối năm 2013, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T đã có hành vi mua và bán chiếc xe máy kiếm lời khi biết rõ là do người khác phạm tội mà có nên đã giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T đều phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Sau khi phân tích tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đã đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS 1999 (ngoài ra T được hưởng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS) xử phạt Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo từ 12-14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24-28 tháng. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 20N5-5229 và 01 đăng ký xe mô tô số 326533.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa thể hiện: Khoảng tháng 10 năm 2013, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T đã có hành vi mua và bán chiếc xe máy khi biết rõ là do người khác phạm tội mà có với trị giá là 25.000.000đ. Do vậy đại diện VKSND huyện Yên Phong thực hành quyền công tố tại phiên toà đề nghị HĐXX tuyên bố Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T phạm đều tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo lần đầu phạm tội, tài sản tiêu thụ trị giá là 25.000.000đ nên hành vi của các bị cáo phạm vào khoản 1 Điều 250 BLHS 1999.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn vì các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công chặt chẽ từ trước.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Th và T cùng thực hiện hành vi như nhau nên với vai trò ngang nhau.

Xét về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng mà còn tạo điều kiện khuyến khích những người khác phạm tội, do vậy hành vi của các bị cáo cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Không có tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, từ trước đến nay chưa có sai phạm gì. Nay phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Ngoài ra gia đình bị cáo T có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Do vây cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nên cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục và cải tạo.

Về vật chứng: Chiếc xe Honda AirBlade số khung RLHJF18048Y606xxx, số máy JF18E-5207xxx ông H tự nguyện giao nộp, đây là tài sản của ông Ngô Bá S nên CQĐT đã trả lại cho ông S là phù hợp. Còn chiếc BKS 20N5-5229 và 01 đăng ký xe mô tô số 326533 là giả không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Vũ Văn H đề nghị tự giải quyết với Th và T nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Nếu giữa ông H với Th và T không tự giải quyết được, có đơn Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Liên quan trong vụ án này có hai đối tượng là Đ, Th là người đã giới thiệu và bán xe máy do người khác phạm tội mà có cho Th và T nhưng Th, T không biết tên, địa chỉ cụ thể nên CQĐT không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với anh Ti là người đi cùng Th, T nhưng không biết việc giao dịch, thỏa thuận cụ thể giữa Th, T, Đ và Th, cũng không biết xe do Th, T mua là do người khác phạm tội mà có nên CQĐT không xử lý là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị T đều phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1.Áp dụng khoản 1 điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS 1999.

Phạt: Nguyễn Văn Th 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao cho UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2.Áp dụng khoản 1 điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS 1999.

Phạt: Nguyễn Thị T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao cho UBND phường Ph, thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu các bị cáo thay đổi nơi cơ trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

*Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 01 BKS 20N5-5229 và 01 đăng ký xe mô tô số 326533.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự (LTHADS): Th và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 LTHADS thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 LTHADS. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Nơi nhận:
- TA, VKS tỉnh.
- VKS, CA, THADS huyện.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)
Lương Đức Năm